HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG KHOA AN TOÀN THÔNG TIN



Môn: Thực tập cơ sở

BÀI BÁO THỰC TẬP CƠ SỞ

Bài 4: Cài đặt, cấu hình Windows Server

Họ và tên giảng viên: TS.Đinh Trường DuyHọ và tên: Nguyễn Quốc Khánh

Mã sinh viên:B20DCAT103Lớp:D20CQAT03-BSố điện thoại:0964137761

1. Tìm hiểu lý thuyết

a. Hệ điều hành Windows dành cho máy chủ

Hệ điều hành Windows dành cho máy chủ hay thường gọi là Windows Server là một dòng hệ điều hành mà Microsoft tạo ra cụ thể để sử dụng trên máy chủ. Được thiết kế để xử lý hiệu quả hơn kết nối mạng, lưu trữ internet / mạng nội bộ, cơ sở dữ liệu, hệ thống liên lạc quy mô doanh nghiệp và các chức năng tương tự. Phiên bản Windows Server đầu tiên được phát hành dưới thương hiệu đó là Windows Server 2003. Tuy nhiên, phiên bản máy chủ đầu tiên của Windows là Windows NT 3.1 Advanced Server, tiếp theo là Windows NT 3.5 Server, Windows NT 3.51 Server, Windows NT 4.0 Server và Windows 2000 máy chủ. Windows 2000 Server là phiên bản máy chủ đầu tiên bao gồm Active Directory, máy chủ DNS, máy chủ DHCP, chính sách nhóm, cũng như nhiều tính năng phổ biến khác được sử dụng ngày nay.

Windows Server khác với Windows phiên bản máy trạm:

Windows Server hỗ trợ phần cứng mạnh mẽ hơn

Windows Server không yêu cầu tích hợp giao diện GUI. Nó có thể cài đặt theo hai hình thức - Server Core(không GUI) hoặc có giao diện GUI.

Cung cấp các công cụ dành riêng cho máy chủ: Windows Server có thể hỗ trợ một loạt được thiết kế dành riêng cho các máy chủ, chẳng hạn như Active Directory, DHCP, Server Manager,...

Chi phí bản quyền nhiều hơn phiên bản máy trạm Windows

b. Web Server

Một máy chủ web lưu trữ và cung cấp nội dung cho một trang web - chẳng hạn như văn bản, hình ảnh, video và dữ liệu ứng dụng - cho các máy trạm yêu cầu. Loại trạm hàng phổ biến nhất là chương trình trình duyệt web, yêu cầu dữ liệu từ trang web của bạn khi người dùng nhấp vào liên kết hoặc tải xuống tài liệu trên trang được hiển thị trong trình duyệt.

Một máy chủ web giao tiếp với trình duyệt web bằng giao thức truyền siêu văn bản (HTTP). Nội dung của hầu hết các trang web được mã hóa bằng ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản (HTML). Nội dung có thể tĩnh (ví dụ: văn bản và hình ảnh) hoặc động (ví dụ: giá tính toán hoặc danh sách các mặt hàng mà trạm hàng đã đánh dấu để mua). Để cung cấp nội dung động, hầu hết các máy chủ web đều hỗ trợ các

ngôn ngữ kịch bản bên máy chủ để mã hóa logic kinh doanh vào giao tiếp. Các ngôn ngữ được hỗ trợ thường bao gồm các trang máy chủ hoạt động (ASP), JavaScript, PHP, Python và Ruby. Một máy chủ web cũng có thể lưu trữ nội dung để tăng tốc độ phân phối nội dung yêu cầu. Quá trình này còn được gọi là gia tốc web.

c. FTP Server

Giao thức truyền tệp (FTP) là một giao thức truyền thông tiêu chuẩn được sử dụng để chuyển các tệp máy tính từ máy chủ sang máy trạm trên mạng máy tính. FTP được xây dựng trên kiến trúc mô hình máy trạm-máy chủ bằng cách sử dụng các kết nối dữ liệu và điều khiển riêng biệt giữa máy trạm và máy chủ. Người dùng FTP có thể tự xác thực với giao thức đăng nhập văn bản rõ ràng, thông thường ở dạng tên người dùng và mật khẩu, nhưng có thể kết nối ẩn danh nếu máy chủ được cấu hình để cho phép. Để truyền an toàn để bảo vệ tên người dùng và mật khẩu và mã hóa nội dung, FTP thường được bảo mật bằng SSL/TLS (FTP) hoặc được thay thế bằng Giao thức truyền tệp SSH (SFTP). FTP có thể chạy ở chế độ hoạt động hoặc thụ động, tùy vào cách kết nối dữ liệu được thiết lập:

Trong chế độ chủ động, máy trạm bắt đầu nghe các kết nối dữ liệu đến từ máy chủ. Nó gửi lệnh FTP để thông báo cho máy chủ về cổng nào đang nghe. Sau đó, máy chủ bắt đầu một kênh dữ liệu cho máy trạm từ cổng 20, cổng dữ liệu máy chủ FTP.

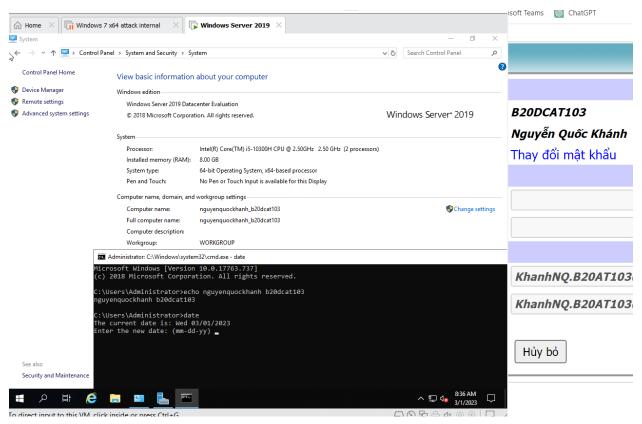
Trong các tình huống mà trạm hàng có tường lửa và không thể chấp nhận các kết nối TCP đến, chế độ thụ động có thể được sử dụng. Trong chế độ này, máy trạm sử dụng kết nối điều khiển để gửi lệnh PASV đến máy chủ và sau đó nhận địa chỉ IP máy chủ và số cổng máy chủ từ máy chủ, mà máy trạm sau đó sử dụng để mở kết nối dữ liệu từ máy trạm tùy ý đến địa chỉ IP máy chủ và số cổng máy chủ nhận được.

d. Remote Desktop Connection

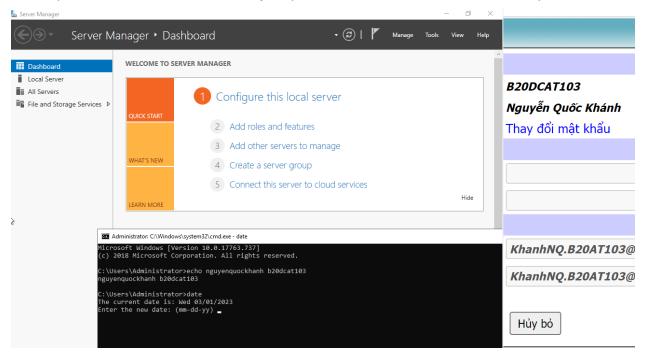
Remote Desktop Connection (RDC), (trước đây có tên là Microsoft Terminal Services Client, MSTSC hoặc TSClient), cho phép người dùng đăng nhập từ xa vào máy tính được nối mạng chạy máy chủ dịch vụ đầu cuối. RDC trình bày giao diện máy tính để bàn (hoặc ứng dụng GUI) của hệ thống từ xa, giống như đang truy cập cục bộ. Ngoài tên người dùng/mật khẩu thông thường để ủy quyền cho phiên từ xa, RDC cũng hỗ trợ sử dụng thẻ thông minh để ủy quyền. Trên các phiên bản của Windows đều tích hợp sẵn tính năng RDC.

2. Nội dung thực hành

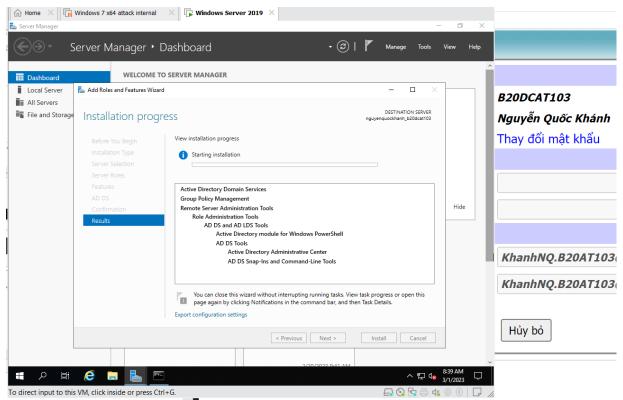
Kiểm tra tên của Server:



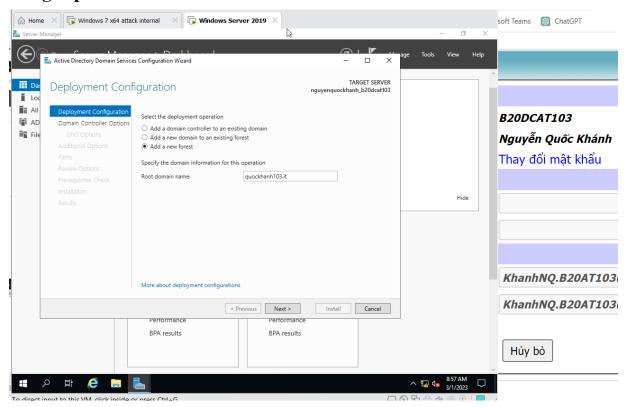
Cài đặt Windows Server và máy trạm Windows từ file đã chuẩn bị:



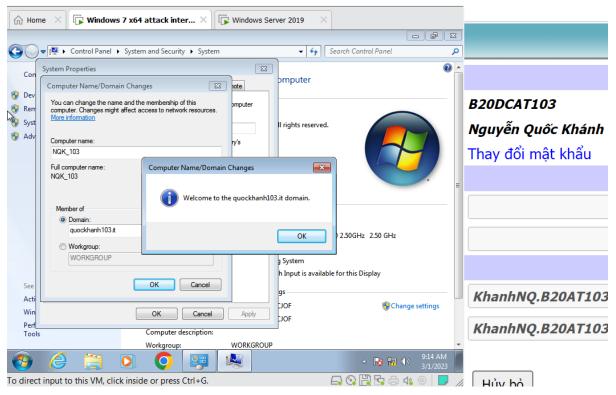
Cài đặt server role trong Server Manager:



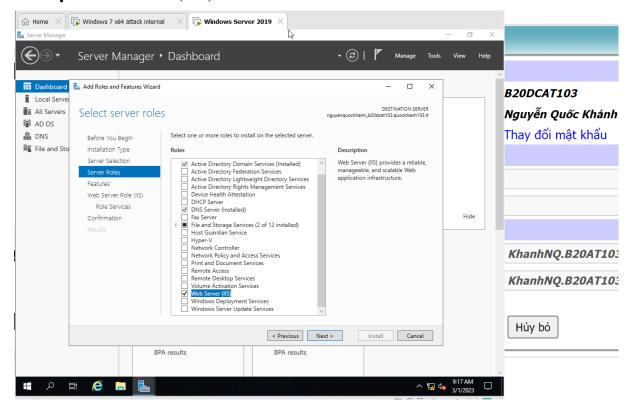
Nâng cấp Server thành Domain Controller:



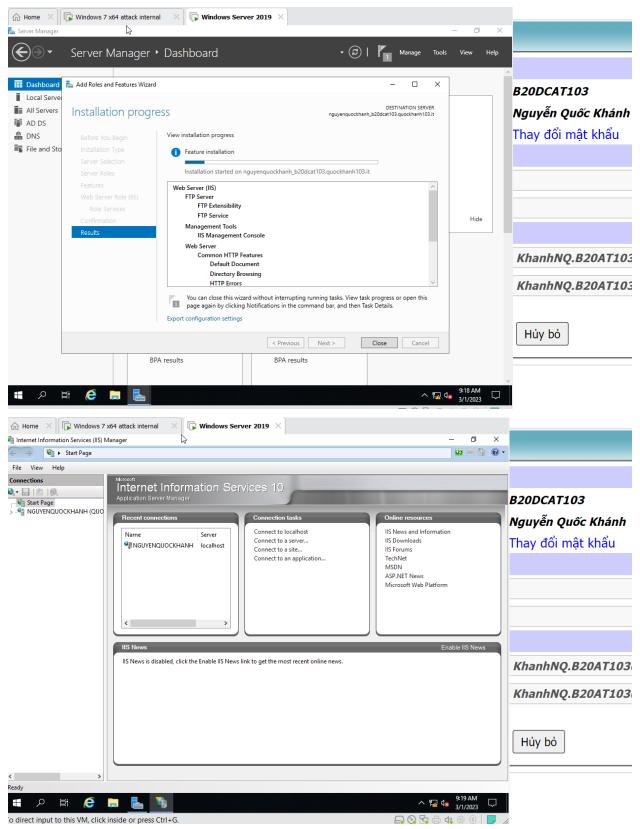
Cấu hình máy trạm Windows gia nhập vào domain vừa tạo được:



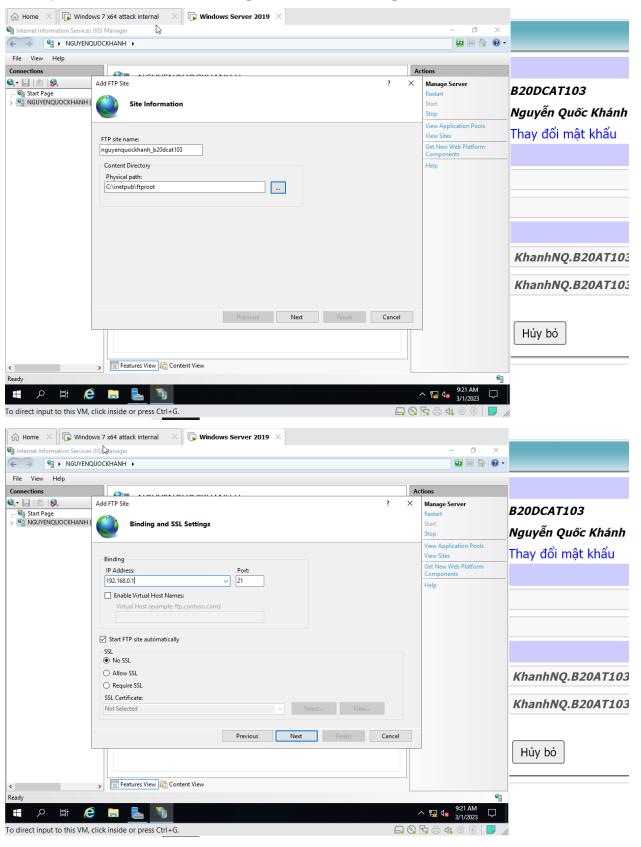
Cài đặt Web Server (IIS):

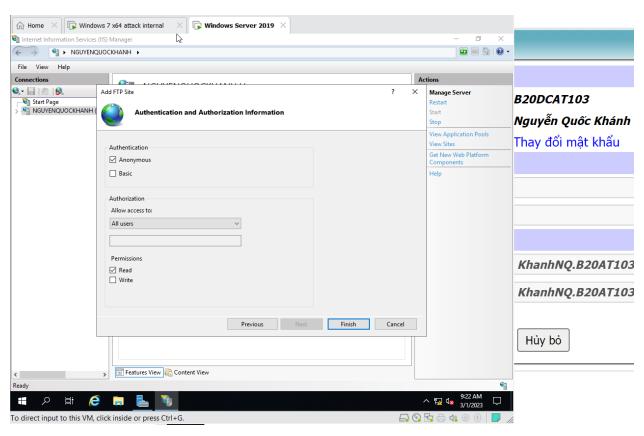


Cài đặt thành công Web Server (IIS):

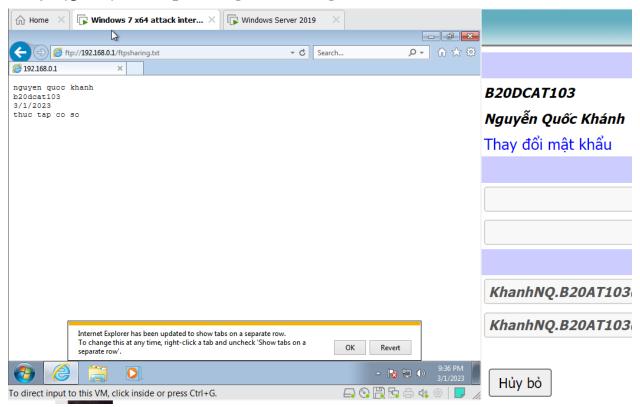


Cài đặt và cấu hình thành công FTP Server trong Web Server:

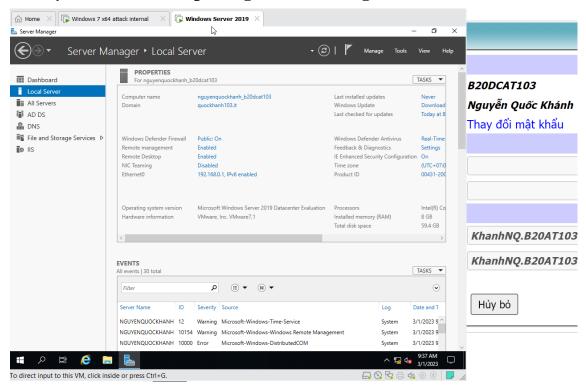




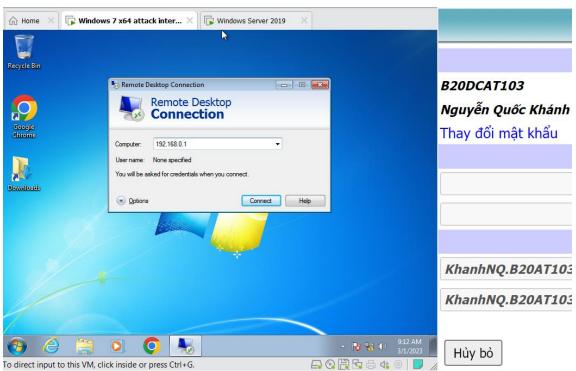
Truy cập được file ftpsharing thành công từ FTP Server:

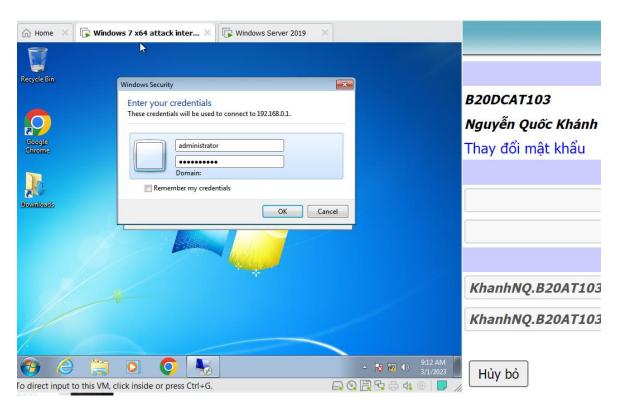


Cài đặt Remote Desktop trong Server Manager:

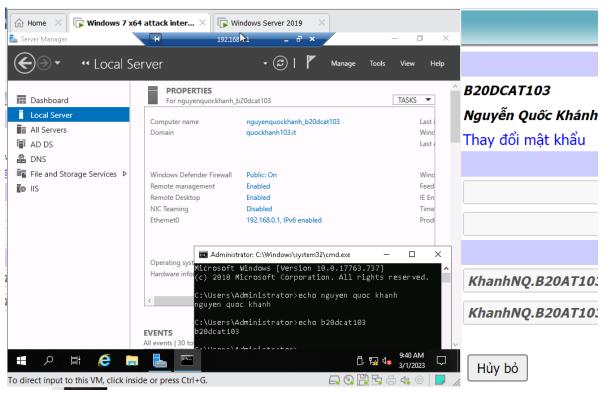


Máy trạm sử dụng phần mềm Remote Desktop Connection nhập IP, tài khoản administrator và mật khẩu của máy Server:

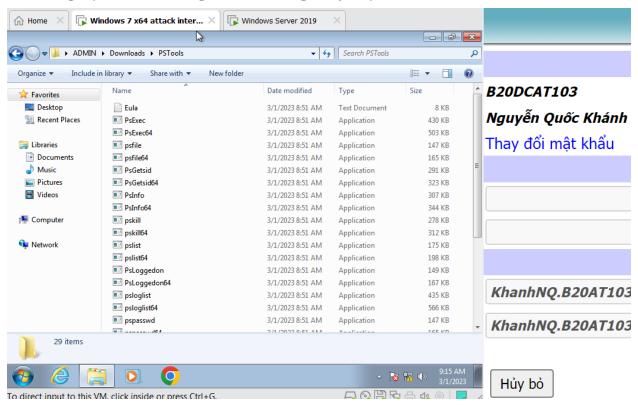


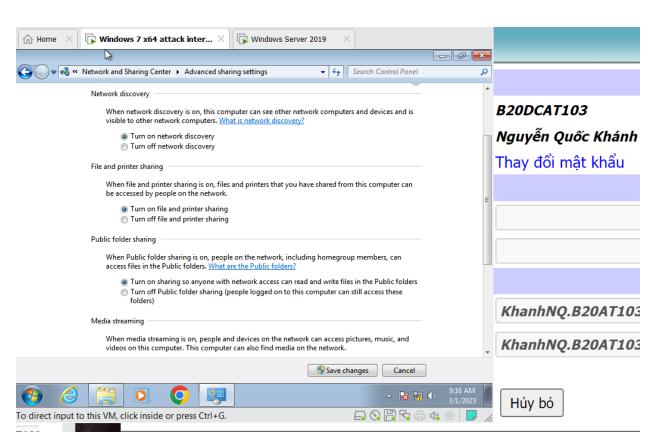


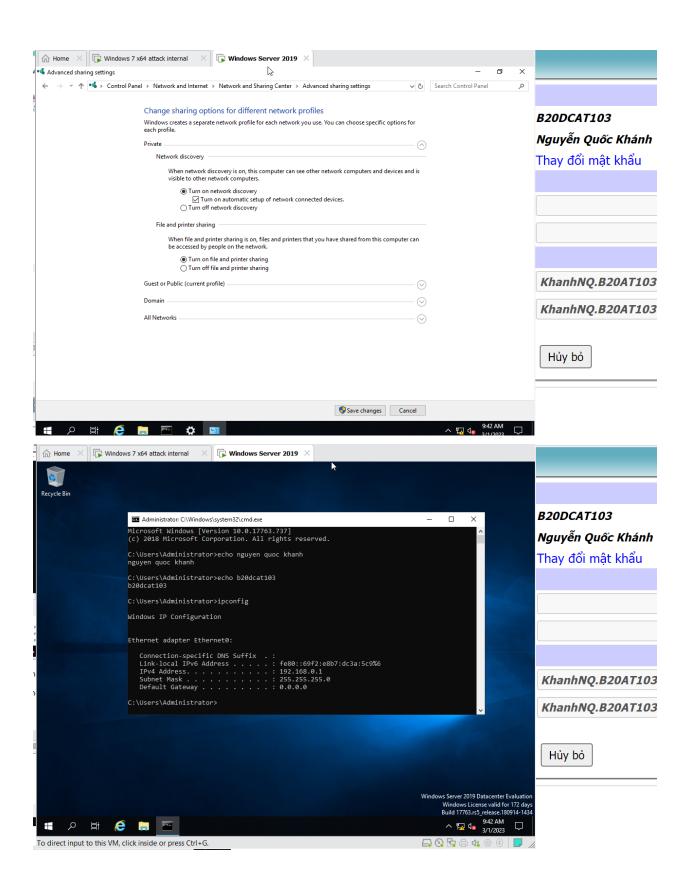
Máy trạm sử dụng remote máy chủ thành công:



Tải công cụ PSTools và giải nén trong máy trạm Windows:







Sử dụng công cụ PSTools với cmd để kết nối tới máy Server:

